

# Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới việc tập luyện ngoại khóa môn bóng chuyền của sinh viên khối trường kỹ thuật tại thành phố Hà Nội

ThS. Đào Tiến Dân ■

## TÓM TẮT:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới việc tập luyện ngoại khóa (TLNK) môn Bóng chuyền của sinh viên (SV) khối trường Kỹ thuật tại thành phố (TP) Hà Nội trên các mặt: chương trình giáo dục thể chất (GDTC) cơ sở vật chất (CSVC), đội ngũ giảng viên (GV) và nhu cầu TLNK môn Bóng chuyền của SV. Kết quả cho thấy: các yếu tố đảm bảo tương đối tốt để phát triển phong trào TLNK môn Bóng chuyền cho SV, riêng tiêu chí giảng viên còn thiếu về số lượng trong cả hoạt động GDTC nội khóa và hoạt động ngoại khóa môn Bóng chuyền.

*Từ khóa: thực trạng, yếu tố ảnh hưởng, thể dục thể thao ngoại khóa, Bóng chuyền, sinh viên, khối trường kỹ thuật, thành phố Hà Nội...*

## ABSTRACT:

Using regular scientific research methods to assess the current situation of factors that affect to the practice of extracurricular volleyball of students of technical schools in Hanoi by the following areas: Physical Education program, facilities, teaching staff and need to practice extracurricular activities of students. The results show that: The factors are a relatively good assurance for developing the movement of extra-curricular training for student. However, particularly the number of lecturers is still insufficient in both training activities of curricular and extracurricular volleyball activities.

*Keywords: current situation, affect factors, extracurricular sports, Volleyball, students, Technical schools, Hanoi City...*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, công tác GDTC ở các trường Đại học khối kỹ thuật ở TP Hà Nội đã được quan tâm và đạt được một số kết quả nhất định, tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Các hoạt động TDTT ngoại khóa dành cho SV ở các trường gần như



(Ảnh minh họa)

bỏ ngõ, trong khi nhu cầu được vận động, tập luyện, vui chơi, giao tiếp của SV là rất lớn mà chỉ có GDTC nội khóa không thì chưa đủ đáp ứng được. Việc này làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo chung mà rõ nhất là thể chất SV khi ra trường.

Bóng chuyền là môn thể thao được đông đảo SV yêu thích và có NCTL. Để xác định các căn cứ để phát triển môn Bóng chuyền ngoại khóa cho SV việc nghiên cứu đánh giá chính xác các yếu tố đảm bảo cho việc phát triển môn thể thao này là cần thiết và cấp thiết. Tuy nhiên, trên thực tế, vấn đề này chưa được tác giả nào quan tâm nghiên cứu. Xuất phát từ lí do trên đề tài tiến hành nghiên cứu: “*Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới việc tập luyện ngoại khóa môn Bóng chuyền của SV khối trường kỹ thuật tại TP Hà Nội*”.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các

phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sư phạm, toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng chương trình môn học GDTC cho SV khối trường kỹ thuật tại TP Hà Nội

Khảo sát thực trạng chương trình môn học GDTC chính khóa là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa. Lý do đơn giản do rất nhiều SV tập luyện ngoại khóa các môn thể thao trong chương trình GDTC bắt buộc và tự chọn, đồng thời các trường học cũng đảm bảo tương đối đầy đủ CSVC cho tập luyện các môn thể thao này.

**Bảng 1. Thực trạng chương trình môn học GDTC cho SV khối trường kỹ thuật TP Hà Nội (n = 5 trường)**

| TT | Nội dung                  | Số trường | Tỷ lệ % |
|----|---------------------------|-----------|---------|
| 1  | Số tín chỉ                |           |         |
|    | Từ 2 tín chỉ trở xuống    |           |         |
|    | 3 tín chỉ                 | 2         | 40.00   |
|    | 4 tín chỉ                 | 2         | 40.00   |
|    | 5 tín chỉ                 | 1         | 20.00   |
|    | Từ 6 tín chỉ trở lên      | 0         | 0.00    |
| 2  | Số lượng tín chỉ bắt buộc |           |         |
|    | 1 tín chỉ                 | 2         | 40.00   |
|    | 2 tín chỉ                 | 2         | 40.00   |
|    | 3 tín chỉ                 | 1         | 20.00   |
|    | Từ 4 tín chỉ trở lên      | 0         | 0.00    |
| 3  | Các môn thể thao bắt buộc |           |         |
|    | Lý thuyết về GDTC         | 3         | 60.00   |
|    | Thể dục                   | 1         | 20.00   |
|    | Bơi lội                   | 1         | 20.00   |
|    | Điền kinh                 | 2         | 40.00   |
|    | Cầu lông                  | 2         | 40.00   |
|    | Bóng bàn                  | 1         | 20.00   |
|    | Bóng chuyền               | 2         | 40.00   |
| 4  | Các môn thể thao tự chọn  |           |         |
|    | Bóng Bàn                  | 3         | 60.00   |
|    | Bóng chuyền               | 3         | 60.00   |
|    | Bóng đá                   | 3         | 60.00   |
|    | Bóng rổ                   | 3         | 60.00   |
|    | Điền kinh                 | 2         | 40.00   |
|    | Thể dục                   | 1         | 20.00   |
|    | Bơi lội                   | 1         | 20.00   |
|    | Võ thuật                  | 1         | 20.00   |
|    | Cầu lông                  | 3         | 60.00   |
|    | Khiêu vũ                  | 1         | 20.00   |

Kết quả khảo sát chi tiết chương trình GDTC của SV khối trường Kỹ thuật tại TP Hà Nội được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: chương trình GDTC nội khóa tại các trường khối kỹ thuật tại Hà Nội được xây dựng đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT). Chương trình môn học đảm bảo cả nội dung bắt buộc và tự chọn. Cụ thể:

Về khối lượng: phần lớn các trường quy định chương trình GDTC nội khóa với 3 - 4 tín chỉ (80% số trường). Có 20% số trường khảo sát có chương trình GDTC với 5 tín chỉ. Không có trường nào quy định chương trình trên 5 tín chỉ. Trong đó, số tín chỉ bắt buộc từ 1 - 2 tín chỉ chiếm đa số (80% số trường). Chỉ có 1 trường có 3 tín chỉ bắt buộc (chiếm 20%). Không có trường nào sử dụng 4 tín chỉ bắt buộc trở lên. Như vậy, có thể thấy các trường đã xây dựng chương trình GDTC nội khóa tương đối linh động, đảm bảo đáp ứng tốt NCTL và sở thích của SV.

Về các môn thể thao bắt buộc: các môn thể thao bắt buộc được nhiều trường sử dụng trong chương trình GDTC nội khóa là Điền kinh, Bóng chuyền và Cầu lông (40% số trường khảo sát), các môn Thể dục, Bơi lội và Bóng bàn chiếm tỷ lệ ít hơn (20% số trường khảo sát).

Về các môn thể thao tự chọn: có tới 60% các trường khảo sát sử dụng Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ và Cầu lông trong chương trình GDTC tự chọn. Các môn thể thao khác như Điền kinh, Thể dục, Bơi lội, Võ thuật, Khiêu vũ... chiếm tỷ lệ ít hơn.

Như vậy, có thể thấy trong nội dung chương trình GDTC nội khóa, môn Bóng chuyền được sử dụng nhiều cả trong nội dung GDTC bắt buộc và tự chọn tại các trường khối kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là một điểm mạnh trong phát triển phong trào tập luyện Bóng chuyền ngoại khóa tại các trường.

### 2.2. Thực trạng CSVC tập luyện Bóng chuyền trong các trường khối kỹ thuật tại Hà Nội

Khảo sát chi tiết CSVC tập luyện bóng chuyền trong 5 trường khối kỹ thuật tại Hà Nội. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: cả 5 trường có tổng số 12 sân bóng chuyền, trong đó có 4 sân trong nhà và 8 sân ngoài trời, trung bình mỗi trường 2 sân tập. Chất lượng các sân tốt, lưới và cột lưới dự phòng đầy đủ. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng NCTL theo đánh giá của các GV mới dừng lại ở mức độ trung bình. Các trang thiết bị hỗ trợ tập luyện thể lực còn chưa có. Như vậy, có thể thấy mặc dù được sự quan tâm đầu tư nhưng CSVC phục vụ tập luyện môn Bóng chuyền mới chỉ dừng lại ở mức đáp ứng cơ bản.

**Bảng 2. Thực trạng CSVC phục vụ tập luyện môn Bóng chuyên cho SV khối trường kỹ thuật TP Hà Nội (n = 5 trường)**

| TT | Tên gọi                                 | Đặc điểm                           | Số lượng | Chất lượng | Mức độ đáp ứng |
|----|---|------------------------------------|----------|------------|----------------|
| 1  | Số lượng sân                            | Sân BC trong nhà                   | 4        | Tốt        | Trung bình     |
|    |   | Sân BC ngoài trời                  | 8        | Tốt        |                |
| 2  | Lưới và cột lưới                        | Trang bị theo sân bóng và dự phòng | 20       | Tốt        | Trung bình     |
| 3  | Bóng                                    | Do Trường trang bị                 | Đủ       | Tốt        | Trung bình     |
| 6  | Trang thiết bị hỗ trợ tập luyện thể lực | Chưa có                            | -        | -          | -              |

**Bảng 3. Thực trạng đội ngũ GV GDTC cho SV khối trường kỹ thuật TP Hà Nội (n = 5 trường)**

| Trường  | Tổng số | Giới tính |       | Học vị  |         |         | Thâm niên công tác |          | Tỷ lệ sinh viên / giảng viên |
|---|---------|-----------|-------|---------|---------|---------|--------------------|----------|------------------------------|
|   |         | nữ        | nam   | tiến sĩ | thạc sĩ | cử nhân | > 10 năm           | < 10 năm |                              |
| <b>Giảng viên giảng dạy GDTC chính khóa</b>                 |         |           |       |         |         |         |                    |          |                              |
| Tổng số giảng viên  | 99      | 22        | 77    | 3       | 92      | 4       | 50                 | 49       | 1182 SV/GV                   |
| Tỷ lệ %   |         | 22.22     | 77.78 | 3.03    | 92.93   | 4.04    | 50.51              | 49.49    |                              |
| Tỷ lệ trung bình/trường                                     | 19.80   | 4.40      | 15.40 | 0.60    | 18.40   | 0.80    | 10.00              | 11.80    |                              |
| <b>Giảng viên hướng dẫn TDTT ngoại khóa môn Bóng chuyên</b> |         |           |       |         |         |         |                    |          |                              |
| Tổng số giảng viên  | 38      | 8         | 30    | 0       | 34      | 4       | 29                 | 9        | 3079 SV/ GV                  |
| Tỷ lệ %   |         | 21.05     | 78.95 | 0.00    | 89.47   | 10.53   | 76.32              | 23.68    |                              |
| Tỷ lệ trung bình/ trường                                    | 7.60    | 1.60      | 6.00  | 0.00    | 6.80    | 0.80    | 5.80               | 1.80     |                              |

### 2.3. Thực trạng đội ngũ GV hướng dẫn ngoại khóa môn Bóng chuyên trong các trường kỹ thuật tại Hà Nội

Khảo sát thực trạng đội ngũ GV GDTC và hướng dẫn ngoại khóa môn Bóng chuyên trong các trường kỹ thuật tại Hà Nội được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy:

Tổng số lượng GV GDTC trong 5 trường được khảo sát là 99 người, tương đương xấp xỉ 20 GV GDTC/ trường. Con số không nhỏ. Tuy nhiên, khi tính tỷ lệ SV/ GV (tổng 5 trường có xấp xỉ 117.000 SV) vẫn có tới 1182 SV/GV, con số này còn quá cao so với quy định của BGD&ĐT. Nếu tính tỷ lệ GV tham gia hướng dẫn TDTT ngoại khóa cho SV thì con số này sẽ lên tới 3079 SV/ GV.

Về trình độ: phần lớn GV có trình độ sau đại học, trong đó thạc sĩ chiếm tới gần 93%, tiến sĩ là hơn 3%. Chỉ có 4.04% tỷ lệ GV có trình độ đại học. Có hơn 50% số lượng GV có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên. Như vậy, có thể thấy, GV là những người có trình độ cao, có kinh nghiệm trong giảng dạy. Đa số GV là nam (chiếm tới 77.78%).

### 2.4. Thực trạng NCTL TDTT ngoại khóa của SV trong các trường khối kỹ thuật tại TP Hà Nội

Tiến hành khảo sát thực trạng NCTL TDTT ngoại

khóa của SV trường khối kỹ thuật tại Hà Nội thông qua khảo sát 1636 SV. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy:

Tỷ lệ SV có nhu cầu tham gia hoạt động TDTT ngoại khóa cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ SV tham gia tập luyện thực tế, chứng tỏ còn nhiều SV có nhu cầu nhưng chưa tham gia tập luyện thực tế. Tỷ lệ SV tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa ở nam cao hơn ở nữ. Khi được hỏi về nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK, có tới 25.14% số SV được hỏi phân vân về đáp án trả lời. Con số này nếu được tác động hợp lý sẽ có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK.

Về nhu cầu tham gia các môn thể thao NK: các môn thể thao được đông đảo SV có nhu cầu tham gia tập luyện là bóng chuyên, cầu lông, bóng rổ, bóng đá (chủ yếu là nam), bóng bàn. Các môn khác chiếm tỷ lệ ít hơn. Các môn thể thao có NCTL tương đối đồng đều giữa HS các trường trong khối.

Về nhu cầu tham gia CLB thể thao NK: có tới 48% số SV được hỏi có nhu cầu tham gia tập luyện CLB thể thao NK. Con số này gần bằng tỷ lệ SV có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK. Như vậy, có thể nói hình thức tập luyện theo CLB thể thao được đông đảo HS có nhu cầu tham gia tập luyện.

**Bảng 4. Thực trạng NCTL TDTT ngoại khóa của SV các trường khối kỹ thuật tại TP Hà Nội  
(n = 1635)**

| TT  | Nội dung phỏng vấn                              | Tổng hợp<br>(n = 1635) |       | Giới tính         |       |                 |       |
|---|---|------------------------|-------|-------------------|-------|-----------------|-------|
|   |   |                        |       | Nam<br>(n = 1168) |       | Nữ<br>(n = 467) |       |
|   |   | m <sub>i</sub>         | %     | m <sub>i</sub>    | %     | m <sub>i</sub>  | %     |
| <b>Thực trạng tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa</b>                              |   |                        |       |                   |       |                 |       |
| 1   | Thường xuyên                                    | 458                    | 28.01 | 320               | 27.40 | 138             | 29.55 |
|   | Không thường xuyên                              | 783                    | 47.89 | 613               | 52.48 | 170             | 36.40 |
|   | Không tham gia                                  | 394                    | 24.10 | 235               | 20.12 | 159             | 34.05 |
| <b>Nhu cầu tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa</b>                                 |   |                        |       |                   |       |                 |       |
| 2   | Có nhu cầu tham gia tập luyện                   | 789                    | 48.26 | 623               | 53.34 | 166             | 35.55 |
|   | Không có nhu cầu tham gia tập luyện             | 435                    | 26.61 | 316               | 27.05 | 119             | 25.48 |
|   | Phân vân  | 411                    | 25.14 | 229               | 19.61 | 182             | 38.97 |
| <b>Nhu cầu tham gia các môn thể thao ngoại khóa (Có thể trả lời nhiều đáp án)</b> |   |                        |       |                   |       |                 |       |
| 3   | Bóng đá   | 226                    | 28.64 | 198               | 31.78 | 28              | 16.87 |
|   | Bóng chuyền                                     | 347                    | 43.98 | 289               | 46.39 | 58              | 34.94 |
|   | Bóng bàn  | 216                    | 27.38 | 165               | 26.48 | 51              | 30.72 |
|   | Bóng rổ   | 289                    | 36.63 | 196               | 31.46 | 93              | 56.02 |
|   | Điền kinh                                       | 195                    | 24.71 | 152               | 24.40 | 43              | 25.90 |
|   | Thể dục   | 138                    | 17.49 | 88                | 14.13 | 50              | 30.12 |
|   | Bơi lội   | 149                    | 18.88 | 106               | 17.01 | 43              | 25.90 |
|   | Võ thuật  | 123                    | 15.59 | 95                | 15.25 | 28              | 16.87 |
|   | Cầu lông  | 332                    | 42.08 | 236               | 37.88 | 96              | 57.83 |
|   | Khiêu vũ  | 126                    | 15.97 | 99                | 15.89 | 27              | 16.27 |
|   | Các môn thể thao khác                           | 112                    | 14.20 | 93                | 14.93 | 19              | 11.45 |
|   | <b>Nhu cầu tham gia CLB thể thao ngoại khóa</b> |                        |       |                   |       |                 |       |
| 4   | Có nhu cầu                                      | 786                    | 48.07 | 562               | 48.12 | 224             | 47.97 |
|   | Không có nhu cầu                                | 849                    | 51.93 | 606               | 51.88 | 243             | 52.03 |

### 3. KẾT LUẬN

Chương trình môn học GDTC tại các trường khối kỹ thuật trên địa bàn TP Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển phong trào TDTT NK môn Bóng chuyền.

CSVC phục vụ môn Bóng chuyền của SV mặc dù được sự quan tâm đầu tư nhưng CSVC phục vụ tập

luyện môn Bóng chuyền mới chỉ dừng lại ở mức đáp ứng cơ bản.

Đội ngũ GV có thâm niên và trình độ cao nhưng còn thiếu về số lượng, đặc biệt là số lượng GV tham gia hướng dẫn TDTT ngoại khóa môn Bóng chuyền.

Bóng chuyền là một trong 4 môn thể thao được đông đảo SV yêu thích và có NCTL.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020”*.
2. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. BGD&ĐT (2015), Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 14/10/2015 quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.
4. Nôvicốp A. D, Mátvêép L. P (1976), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, (Phạm Trọng Thanh và Lê Văn Lãm dịch), Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường*.

Nguồn bài báo: bài báo được trích từ đề tài nghiên cứu NCS, tên đề tài: “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Bóng chuyền cho SV Đại học khối các trường kỹ thuật TP Hà Nội”.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21/9/2019; ngày phản biện đánh giá: 9/11/2019; ngày chấp nhận đăng: 28/12/2019)